

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

# trong việc chỉ đạo công tác bảo tồn văn hoá truyền thống dưới tác động của kinh tế thị trường

PGS.TS. TRẦN ĐỨC NGÔN\*

**H**oạt động bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống là hai việc khác nhau nhưng do có sự gắn bó chặt chẽ về nội dung nên hoạt động này được gọi một cách ngắn gọn là hoạt động bảo tồn văn hoá truyền thống. Vấn đề ở đây không phải nên gọi như thế nào cho đúng mà là cách gọi như thế nào thể hiện được rõ hơn nội dung khái niệm. Bảo tồn được định nghĩa là "giữ lại, không để mất đi"<sup>(1)</sup> nên đã tạo ra một định hướng khá quen thuộc là cố gắng giữ lại được càng nhiều càng tốt những gì thuộc về quá khứ. Tiêu chí số lượng nhiều khi được xem là công cụ đánh giá và so sánh, vì thế, đã làm nảy sinh hai xu hướng trong hoạt động bảo tồn. Một xu hướng mang tính "đóng gói"; hiện tượng văn hoá cần được bảo vệ trong môi trường khép kín để tránh những tác nhân gây hại. Xu hướng này đương nhiên là mang lại không ít giá trị tích cực. Nhờ những cố gắng bảo vệ đó mà đến nay chúng ta vẫn còn lưu

giữ được những nét bản sắc đặc thù trong nền văn hoá dân tộc. Tuy nhiên, trong bối cảnh mang tính đột phá của sự biến đổi, xu hướng "đóng gói" này đang tỏ ra dưới sức thực sự. Sự đối đầu trước sức ép của những luồng gió mới lại đang làm nảy sinh xu hướng thứ hai xu hướng "thả trôi". Trong cuộc chạy đua do bị "thả trôi" này, hiện tượng văn hoá nào có sức sống mãnh liệt, có nền tảng vững chắc do được ngưng kết, chất lọc và thử thách qua nhiều bước ngoặt của lịch sử sẽ có cơ hội khẳng định mình tốt hơn. Vấn đề sẽ phụ thuộc vào tiêu chí hệ giá trị. Khi sử dụng hệ giá trị hôm nay làm thước đo sự thay đổi của các hiện tượng văn hoá truyền thống, xu hướng "thả trôi" sẽ đẩy nhanh quá trình làm biến dạng những chuẩn mực đã được định hình. Những hiện tượng văn hoá truyền thống tuy mang đậm nét đặc thù nhưng khi đặt trong hệ

\* HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ - HÀ NỘI

quy chiếu mới, nếu không được điều chỉnh một cách có định hướng, sẽ không thể có cơ hội tồn tại đến muôn đời sau.

Cả hai xu hướng trên đều xuất phát từ cách hiểu máy móc, siêu hình về khái niệm bảo tồn. Bảo tồn chỉ có thể được hiểu đầy đủ và đúng nghĩa nhất khi nó được đặt trong mối quan hệ với sự phát triển: Bảo tồn không phải là cố gắng gìn giữ để không bị mất đi mà phải biết chọn lọc trong những hiện tượng đang có nguy cơ bị mất đi ấy những khả năng tiềm tàng, làm cho nó có thể tiếp tục song hành cùng xu hướng đi lên của cuộc sống. Bảo tồn mà không đưa di sản văn hoá vào cuộc sống thì chưa phát huy được giá trị thực sự của truyền thống. Một trái tim đủ để người ta đặt trọn vào công việc bảo tồn những tình cảm, tâm huyết nhưng nó sẽ trở nên tùy tiện, duy cảm khi khối óc không giữ được vai trò dẫn đường. Quan hệ giữa bảo tồn và việc phát huy những giá trị của nó trong cuộc sống cũng có thể được đặt trong sự so sánh như thế.

Quan điểm nêu trên luôn đặt công tác này trong tương quan mở và động. Mở là khi khái niệm bảo tồn được hiểu trong một tổng thể liên hoàn, bảo tồn đi kèm với khai thác, phát huy giá trị của di sản văn hoá trong đời sống; động là nhấn mạnh tính thời đại, khi đó, công tác bảo tồn phải chú ý đến những đặc điểm xã hội tại một thời điểm cụ thể mà điều chỉnh chọn lọc. Nói cách khác, cần phải bảo tồn những gì phù hợp với thời đại, UNESCO đã khẳng định "nguyên tắc động cho phép một xã hội biến đổi mà không làm mất hình thể độc đáo của nó, chấp nhận sự biến đổi mà không tha hoá, do đó tiếp tục quá trình liên tục của sự sáng tạo của nó, theo một phép biện chứng của liên tục của truyền thống và tính hiện đại; của tính liên tục và tính đứt đoạn của di sản và sự đổi mới" (2.tr15). Trong tương quan như vậy, bảo tồn mới thực sự mang tính khả thi, mới không trở thành nhân tố cản trở sự phát triển. Khi bảo tồn trở thành lực cản, mọi cố gắng chủ quan sẽ chỉ là duy ý chí.

Bài học kinh nghiệm của các nước thành công trong lĩnh vực bảo tồn văn hoá truyền thống khi tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã chứng minh tầm quan trọng

của nhận thức biện chứng này. Điển hình phải kể đến Nhật Bản. Từ hơn một thế kỷ trước, tầng lớp quý tộc Samurai đã làm cuộc "Minh Trị duy tân", đào tạo các nhà kinh doanh, nhà quản lý, nhà giáo dục và nhà quân sự, tạo tiền đề để tiếp thu khoa học công nghệ phương Tây trên cơ sở giữ vững những giá trị văn hoá truyền thống mà yếu tố nổi bật nhất là Khổng giáo. Nhật Bản được coi là tấm gương cho việc kết hợp giữa kỹ thuật, công nghệ phương Tây với văn hoá truyền thống để cường thịnh đất nước.

Trên thực tế, không chỉ nước Nhật ở cuối thế kỷ XIX mà các nước tư bản phương Tây từ thời Phục hưng (thế kỷ XVI - XVII) cũng đi theo con đường đó. Công cuộc hiện đại hoá, ở phần lớn các nước này, là sự kết hợp giữa kỹ thuật công nghiệp với văn hoá truyền thống, mà cốt lõi là Cơ đốc giáo được cải biên thành Tân giáo. Vấn đề được đặt ra ở đây chính là việc trả lời câu hỏi: Văn hoá truyền thống đóng vai trò gì đối với sự phát triển kinh tế? Do vậy, việc vận dụng quan điểm biện chứng trong công tác bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay, trước hết sẽ phải bắt đầu từ việc xác định mục đích. Khi mục đích của công tác bảo tồn được xác định thoả mãn những yêu cầu nêu trên, những nội dung cụ thể đưa ra sẽ trở nên sát thực hơn.

Mặt khác, khi mục tiêu cụ thể được xác định, nó sẽ điều chỉnh các nguyên tắc trong quá trình thực hiện công tác bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống trong bối cảnh kinh tế thị trường. Chúng tôi cho rằng, đây là một trong những điểm quan trọng cần phải thống nhất về mặt nhận thức để có thể tránh được những khiên cưỡng khi thực thi. Những nguyên tắc đó là:

- *Đảm bảo tính cân đối trong quy hoạch phát triển vùng:*

Việc bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống trong khu vực đang có tốc độ đô thị hoá cao luôn gặp khó khăn khi động chạm tới những vấn đề của quy hoạch tổng thể. Chỉ đơn cử một ví dụ cụ thể về vấn đề quy hoạch làng nghề truyền thống, Hà Nội đã có đề án khôi phục làng nghề gốm sứ Bát Tràng. Đây là một hướng đầu tư trọng điểm có hiệu quả, bởi trong giai đoạn hiện nay, bản thân làng nghề

sản xuất này vốn đã có tính hấp dẫn cao. Tuy nhiên, làng nghề truyền thống này nếu muốn thực sự thu hút khách du lịch, cần phải tạo được một môi trường không gian và quy trình sản xuất nguyên gốc. Điều này đòi hỏi các quy trình làm đất cũng như tạo hình cho sản phẩm phải tuân thủ nguyên tắc tập trung tại chỗ. Trong khi nguyên tắc này đòi hỏi phải mở rộng nguồn đất nguyên liệu thì quy hoạch đô thị tổng thể lại ngày một mở biên sát đến khu vực Bát Tràng. Do vậy, để không mất cân đối trong quy hoạch phát triển vùng, vấn đề quy hoạch làng nghề cần được xác định trong một quy mô cụ thể theo từng bước đi tương ứng với lộ trình phát triển tổng thể của khu vực được quy hoạch.

Cũng đảm bảo nguyên tắc này, các khu kinh tế hoặc đô thị trọng điểm trước khi xây dựng quy hoạch cần tính tới yếu tố giữ được tối đa những dấu tích của văn hoá truyền thống. Như vậy, cho dù quy hoạch phát triển kinh tế hay quy hoạch khu vực bảo tồn thì thao tác cơ bản để đảm bảo nguyên tắc này là: Cần phải xây dựng những kế hoạch dài hơi cho 10 năm, 20 năm, 50 năm thậm chí lâu hơn nữa. Mỗi mốc thời gian tương ứng với một mức độ quy mô phát triển. Trên cơ sở đó, tính cân đối giữa bảo tồn và phát triển mới được đảm bảo.

- *Đảm bảo tính cân đối trong quy hoạch bảo tồn của Nhà nước với quyền lợi vật chất tinh thần của nhân dân địa phương.*

Một vấn đề đang được coi là bức xúc hiện nay của cư dân các vùng ven đô, khi cơn lốc đô thị hoá ập tới, là việc người dân bỗng nhiên rơi vào tình cảnh ly nông nhưng không ly hương. Không phải người dân nào cũng có thể nhanh chóng điều chỉnh hành vi sau "cú sốc" mạnh mẽ này, phần lớn trong số họ rơi vào tình trạng khủng hoảng. Người nông dân, nhiều đời, do nhiều lý do (trong đó có cả tâm lý mặc cảm và sức ỳ trong ý thức) không quan tâm tới việc tạo dựng cho mình những kiến thức tối thiểu về một nghề nghiệp khác, để có thể chuyển đổi, nếu nghề nông không còn tiếp tục nữa. Khi những dự án về quy hoạch khu đô thị hay khu công nghiệp được triển khai, người dân ngoài việc được đền bù đất nông nghiệp với giá rẻ thì còn được an ủi bởi niềm hy vọng sẽ được vào làm việc trong một

môi trường công việc mới. Tuy hy vọng này (do cả lý do khách quan và chủ quan) rất khó trở thành hiện thực nhưng dù sao người dân vẫn còn có thể ủng hộ việc triển khai dự án quy hoạch đô thị hoặc khu công nghiệp. Song, những dự án dành cho bảo tồn văn hoá truyền thống, nếu cũng sử dụng đến đất canh tác nông nghiệp của địa phương, chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn. Kinh tế thị trường với tư tưởng quy đổi mọi giá trị ra đơn vị tiền tệ đã cản trở tiến độ thực hiện các đề án bảo tồn văn hoá truyền thống ở khu vực ngoại vi. Để giải quyết vấn đề này cần có sự điều chỉnh. Một mặt, người dân phải tuân thủ nguyên tắc tôn trọng lợi ích quốc gia để hy sinh những quyền lợi trước mắt, song các cơ quan chức năng cũng phải có trách nhiệm. Trong khi thực hiện dự án bảo tồn, phải tạo điều kiện tối đa cho người nông dân được hưởng quyền lợi từ chính những hy sinh của họ.

Trong mối tương quan hẹp hơn, giữa những người dân với nhau, cần làm cho họ hiểu rõ trách nhiệm và quyền lợi của mình để có thể chủ động nâng cao ý thức tự giác tham gia vào hoạt động bảo tồn di sản văn hoá.

- Đảm bảo tối đa những điều kiện để văn hoá truyền thống, khi đã được lựa chọn để bảo tồn, có thể có được môi trường tồn tại như khi nó sinh ra. Nói theo ngôn ngữ chuyên môn của các nhà nghiên cứu: Phải tối đa hoá môi trường diễn xướng cho các thành tố của văn hoá truyền thống.

Ta có thể thấy rất rõ một số hiện tượng văn hoá truyền thống được bảo tồn theo kiểu hiện đại không đáp ứng được nguyên tắc này. Để khôi phục một lễ hội đã bị thất truyền, người ra cố gắng lắp ghép, chắp nối giai đoạn rồi sau đó đem diễn nó trong một sinh hoạt văn hoá cộng đồng, mà chính những người tham gia cũng cảm thấy xa lạ, lạc lõng. Việc sân khấu hoá lễ hội cho dù không thể phủ nhận phần tích cực của nó (những người làm công tác văn hoá muốn chuyển thông tin của các thế hệ trước cho các thế hệ sau), song, phần lớn những kịch bản sân khấu loại này *chỉ chú trọng tới tính cung cấp thông tin mà rất ít chú ý tới tâm trạng của những người tiếp nhận thông tin*. Người xưa tham gia hội, "tả tơi chơi hội", với tâm lý nhập cuộc, chắc chắn sẽ tiếp nhận lễ hội rất khác với những người đi xem

diễn hội theo kịch bản sân khấu hiện nay. Nguyên tắc phục hồi nguyên bản chắc chắn sẽ tạo tâm thế tốt cho người dân, đồng thời sẽ tạo tiền đề cho sự kết hợp văn hoá và kinh tế vốn đã được nhấn mạnh trong mục đích khôi phục những giá trị văn hoá truyền thống.

Nguyên tắc tối đa hoá môi trường nuôi dưỡng những giá trị văn hoá truyền thống không chỉ cần thiết trong việc phát huy giá trị các di tích, làng nghề, lễ hội mà còn rất hữu hiệu trong cả việc duy trì những chuẩn mực tốt đẹp của lối sống nếp sống. Chỉ khi môi trường nuôi dưỡng những lối sống nếp sống hay phong tục tập quán còn được duy trì ở mức tối đa thì việc khôi phục nó mới không trở thành giáo điều hay khiên cưỡng. Nhiều bị kịch trong các gia đình đã diễn ra, chỉ thuần tuý vì những giá trị văn hoá gia đình truyền thống, đã trở thành sự tiếc nuối của các thế hệ trước, khi nó không còn tìm được điều kiện để nhận sự đồng cảm của các thế hệ sau.

Tuy nhiên, về phương diện này, không phải việc gì đặt ra cũng có thể dễ dàng thực hiện. Nhiều yếu tố văn hoá phi vật thể đã được hình thành từ nền kinh tế tiểu nông và gia đình truyền thống, thì ngày nay sự thay đổi tất yếu về mô hình kinh tế và gia đình đã dẫn đến sự biến đổi nhiều giá trị văn hoá mà bất kỳ nhà bảo tồn tích cực nào cũng không thể cưỡng lại được, do vậy, áp dụng nguyên tắc này đối với các giá trị văn hoá phi vật thể cần hết sức linh hoạt.

- *Đảm bảo tính trọng tâm, trọng điểm trong hoạt động bảo tồn.*

Đây là nguyên tắc cần thực hiện để tránh thất thoát lãng phí tiền của và tránh được việc

bảo tồn không đạt chất lượng như yêu cầu. Điều này đã từng xảy ra một cách khá phổ biến trong đầu tư nói chung và trong hoạt động bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống nói riêng, dẫn tới những giá trị cần được ưu tiên bảo tồn lại không nhận được sự quan tâm đúng mức, làm cho việc bảo tồn nặng tính hình thức theo kiểu kể đầu công việc.

Bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống mang đậm bản sắc Việt Nam chính là một trong những sự chuẩn bị tốt nhất cho tiến trình hội nhập. Công việc đó không thể là trách nhiệm của một lực lượng chuyên trách cụ thể, mà trước hết nó phải là sự nghiệp của toàn dân, xuất phát từ sự chủ động và tự giác của chính những con người đang thừa hưởng tinh hoa văn hoá mà cha ông để lại. Tuy nhiên, sự chủ động và tự giác đó rất cần đến vai trò định hướng, hoạch định, hỗ trợ, thúc đẩy của các cơ quan chính quyền, đoàn thể. Một số suy nghĩ bước đầu, xuất phát từ tâm huyết của người làm công tác đào tạo đội ngũ cán bộ văn hoá, hy vọng sẽ được các nhà chuyên môn tham khảo.

T.Đ.N

#### **Tài liệu tham khảo**

- 1) Viện Ngôn ngữ. *Từ điển tiếng Việt*. Trung tâm Từ điển ngôn ngữ, Nhà xuất bản Hà Nội, 1992.
- 2) Trung tâm KHXH & NVQG. *Văn hoá, phát triển và bản sắc*. Hà Nội 1996.
- 3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá VIII, 1998*.

#### **SUMMARY: NOTED ISSUES IN PRESERVATION WORK ON TRADITIONAL CULTURE UNDER THE IMPACT OF MARKET ECONOMY (TRAN DUC NGON)**

From the general development of society, the author proposes basic rules to be applied in the traditional preservation and conservation work in Vietnam, Concretely:

- The balance in regional development planning,
- State preservation planning taken into account the physical and spiritual rights of the local people; some conditions to help the traditional culture exist in its environment,
- Ensure the central, key points in the preservation and conservation work.

These issues are considered to promote the integration process of Vietnamese traditional culture.